

Số: 504/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 11 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Chỗ ở: Số 35 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Ngọc L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 16/01/2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Ngọc L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Lê Quốc T chị Nguyễn Thị Ngọc L xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/3/2015. Hiện nay cháu Lê Nguyễn Bảo N đang ở với chị Nguyễn Thị Ngọc L. Nay thuận tình ly hôn anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Ngọc L thỏa thuận giao cháu Lê Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Bảo N, trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu Lê Nguyễn Bảo N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên cần áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 11 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Nguyễn Bảo N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu Lê Nguyễn Bảo N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000502 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị L đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-H;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, thành phố H;
- (Anh T, chị L ĐKKH số: 02/2015, Quyền số: 01/2015, ngày 16/01/2015);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn